

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 06 - 2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thảo A Dơ và ông Sùng A Dinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Thề - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Lò Văn Nhung- kiểm sát viên.

Ngày 22/06/2018 tại trụ sở UBND xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Hồ Lao H– Sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn 2, xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên / có mặt

2. *Bị đơn:* chị Uàng Dừng X – Sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên / có mặt

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn :* ông Vàng Seo C – SN 1949; nơi cư trú: Thôn L, xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên / có mặt

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- bà Ngải Phủ M- SN 1946; nơi cư trú: Thôn 2, xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên / có mặt

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên / vắng mặt.

5. *Người phiên dịch:* ông Hồ Xín P – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn 2, xã LXP, huyện T, tỉnh Điện Biên / có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Hồ Lao H và bị đơn chị Uàng Dừng X chung sống với nhau từ năm 2003 do sự tự nguyện của hai bên, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LXP, huyện T ngày 27/8/2013; Do bị đơn không để ý quan tâm chăm lo cuộc sống chung cho gia đình, nguyên đơn có hành vi ngoại tình với chị Mùa Thị D và đã

có 01 con chung, dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và bị đơn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2016, vì vậy nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Hai người có 04 con chung là Hồ Ngân Th- SN: 23/10/2004, Hồ Ghénh Q - SN: 10/11/2006, Hồ Tông N - SN: 05/9/2010 và Hồ Hai H - SN 07/01/2017, hiện nay 03 con lớn đang ở cùng nguyên đơn, con nhỏ nhất đang ở cùng bị đơn; nguyên đơn yêu cầu được nuôi 03 con lớn, giao cho bị đơn nuôi con nhỏ Hồ Hai H và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại các văn bản ghi ý kiến của Bị đơn, chị Uàng Dừng X nhất trí với ý kiến nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, các mâu thuẫn phát sinh và bị đơn đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về nuôi con chung bị đơn đề nghị được nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung các bên yêu cầu giải quyết gồm: 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp ngói Prôximăng dựng năm 2003, thửa đất dựng nhà số 195 (tờ bản đồ số 77 xã LXP); 01 xe máy Honda biên kiểm soát 27T1-048.00 (giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hồ Lao H), 01 chảo gang, 01 máy khâu, 01 máy thái rau, 01 máy xay ngô; 04 thửa đất trồng lúa nước gồm các thửa 47 (thuộc tờ bản đồ số 24), thửa số 04 (tờ bản đồ số 82), thửa số 128 (tờ bản đồ số 76) và thửa số 150 (tờ bản đồ số 76); 03 thửa đất trồng cây hàng năm khác gồm các thửa 49 (tờ bản đồ số 17), thửa 69 (tờ bản đồ số 24), thửa 212 (tờ bản đồ số 77). Các thửa đất đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hồ Lao H và Uàng Dừng X.

Về nợ phải trả: hai vợ chồng vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T 38.000.000 đồng, trong đó số tiền nguyên đơn vay để sử dụng cho mục đích riêng là 10.000.000đ, còn lại 28.000.000đ là vay chung, mục đích vay để mua trâu, mua lợn và chi tiêu sinh hoạt gia đình. Nguyên đơn yêu cầu số nợ chung 28.000.000đ chia đôi mỗi người có trách nhiệm trả một nửa cùng lãi phát sinh khi đến hạn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả toàn bộ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngải Phủ M không đồng ý về chia nhà và đất ở vì ngôi nhà và đất dựng nhà là của bà, ngôi nhà dựng năm 2003 do bà được nhà nước hỗ trợ vì gia đình chính sách (gia đình liệt sỹ) và bà chỉ cho vợ chồng ở nhờ, nay hai vợ chồng ly hôn thì phải trả lại nhà cho bà, đối với đất nông nghiệp có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng H-X bà đã cho nên không có ý kiến gì.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH Việt Nam ông Nguyễn Văn S thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về số tiền vay nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2018, xác định số lượng tài sản chung theo yêu cầu giải quyết gồm: 01 ngôi nhà gỗ 03 gian lợp ngói Proximang dựng trên thửa đất ở số 195 (tờ bản đồ số 77) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Lao H và Uàng Dừng X, 01 xe máy Honda biên kiểm soát 27T1-048.00, 01 chảo gang, 01 máy khâu, 01 máy thái rau, 01 máy xay ngô. Về đất nông nghiệp, đối chiếu

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ địa chính, sổ địa chính và thực tế sử dụng xác định: 02 thửa đất trồng lúa nước số 04 và 150 quá trình sử dụng đã ghép thành 01 thửa, 03 thửa đất trồng cây hàng năm khác gồm các thửa 49 (trên đất có trồng một số cây sa mộc), thửa 69 (đất sử dụng để trồng ngô), thửa 212 (đất sử dụng làm vườn) là các thửa thực tế hai vợ chồng đang sử dụng; Riêng đối với các thửa đất trồng lúa số 47 và 128 thực tế gia đình không có và hai vợ chồng khẳng định không có đất được sử dụng ở vị trí thực địa của thửa đất này và không có tranh chấp giữa vợ chồng H- X với hộ đang sử dụng.

Kết quả xác minh ngày 16/4/2018 tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện T đã làm rõ bà Ngải Phủ M thuộc gia đình chính sách do bố là liệt sỹ nên được nhà nước hỗ trợ làm nhà ở năm 2003 từ quỹ “ngày vì người nghèo” với số tiền 11.250.000đ, công trình hoàn thành và bàn giao sử dụng ngày 30/5/2003 và nhà được gắn biển “quỹ ngày vì người nghèo trung ương tặng Nhà tình nghĩa”.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn xin rút yêu cầu giải quyết đối với nhà ở và thửa đất ở số 195, rút yêu cầu giải quyết đối với hai thửa đất trồng lúa gồm thửa số 47 và thửa số 128. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất được chia tài sản chung là động sản gồm: chia cho nguyên đơn 01 máy xay ngô trị giá 1.000.000đ; chia cho bị đơn các tài sản gồm: 01 xe máy Honda, 01 chảo gang, 01 máy khâu, 01 máy thái rau, giá trị tài sản bị đơn được nhận là 8.200.000đ. Các bên thống nhất bên nào nhận giá trị tài sản cao hơn phải trả giá trị chênh lệch. Đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại các bên thống nhất chia cho bị đơn các thửa 04 và 150 (đất trồng lúa), thửa số 49 (đất trồng ngô), chia cho nguyên đơn thửa đất số 69; Đối với thửa đất trồng cây hàng năm khác số 212 các bên thỏa thuận nhất trí chia: chia cho bị đơn phần đất có diện tích 175m² phía đường đi ra các thửa ruộng, chia cho nguyên đơn phần đất có diện tích 315,4m² phía đường dân sinh thôn 2; về chia ruộng đất các bên đề nghị chia bằng hiện vật, không tính giá trị chênh lệch. Về nợ chung các bên thỏa thuận nguyên đơn phải trả 24.000.000đ cùng lãi phát sinh và bị đơn phải trả 14.000.000đ cùng lãi phát sinh cho ngân hàng CSXH huyện T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện không có kiến nghị gì về việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn; giao cho nguyên đơn chăm sóc nuôi dưỡng 03 con lớn; bị đơn chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ Hồ Hai H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về chia tài sản chung đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia các tài sản là động sản và tính giá trị chênh lệch. Về ngôi nhà, đất ở và hai thửa đất số 47, 128 đề nghị đình chỉ giải quyết do nguyên đơn rút một phần yêu cầu và các bên đã nhất trí; đối với đất nông nghiệp còn lại công nhận sự thỏa thuận của các bên chia cho bị đơn các thửa 04, 150, 49 và diện tích đất 175m² của thửa số 212, chia cho nguyên đơn thửa 69 và diện tích 315,4m² của thửa số 212. Về nợ chung buộc nguyên đơn phải trả 24.000.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng CSXH huyện T và bị đơn phải trả 14.000.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng CSXH huyện T khi ngân hàng có yêu cầu; Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 25/5/2018 vắng mặt ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên HĐXX đã hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay xét người đại diện theo ủy quyền đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc nguyên đơn có hành vi ngoại tình và có hành vi đánh đập bị đơn, bị đơn không chăm lo cuộc sống chung của gia đình dẫn đến quan hệ hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn nhất trí theo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, nên HĐXX căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn.

[3] Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

HĐXX xét thấy hai người có 04 con chung, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con lớn, bị đơn yêu cầu nuôi 04 con; xét nguyện vọng các con từ 07 tuổi trở lên các cháu Hồ Ngân Th, Hồ Ghánh Q, Hồ Tông N đều mong muốn ở với bố, mặt khác xác định bị đơn hiện nay không có thu nhập, từ khi ly thân sống phụ thuộc gia đình bố mẹ đẻ, cháu Hồ Hai H chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó HĐXX thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần giao ba cháu Hồ Ngân Th, Hồ Ghánh Q, Hồ Tông N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Hồ Hai H cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc;

Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và phiên tòa, bị đơn xin rút yêu cầu giải quyết về nhà ở, thửa đất ở số 195 và hai thửa đất trồng lúa số 47, 128, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngải Phủ M nhất trí, do đó cần đình chỉ giải quyết các yêu cầu này của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đã thống nhất được về số lượng và giá trị tài sản chung, số nợ phải trả. Tại phiên hòa giải và phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được về việc phân chia các tài sản chung nên HĐXX cần công nhận:

- Chia cho Nguyên đơn: 01 máy xay ngô trị giá 1.000.000đ.
- Chia cho Bị đơn: 01 xe máy Honda biển kiểm soát 27T1-048.00 trị giá 7.000.000đ, 01 chảo gang đường kính 01m trị giá 400.000đ, 01 máy khâu trị giá 400.000đ, 01 máy thái rau trị giá 400.000đ. Bị đơn có trách nhiệm trả giá trị chênh lệch cho nguyên đơn đối với tài sản được chia là 3.600.000đ

Về đất nông nghiệp, xác định thực tế hai vợ chồng đang sử dụng 05 thửa đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa : 04, 150 sử dụng trồng lúa, các thửa 212, 47, 69 là đất trồng cây hàng năm khác. Tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận được về việc chia ruộng đất và không yêu cầu tính giá trị chênh lệch, nên HĐXX cần công nhận:

- Chia cho Nguyên đơn: thửa đất số 69 thuộc tờ bản đồ số 24 có diện tích 6.791,7m², một phần thửa đất số thửa 212 tờ bản đồ số 77 có diện tích 315,4m²
- Chia cho bị đơn các thửa: thửa số 04 tờ bản đồ số 82 có diện tích 254,4m², thửa số 150 tờ bản đồ số 76 có diện tích 208,8m², thửa số 49 tờ bản đồ số 17 có diện tích 4.786,5m², một phần thửa số 212 tờ bản đồ số 77 có diện tích 175m²

Về nợ chung: nợ Ngân hàng CSXH huyện T 38.000.000đ, tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận được về nghĩa vụ phải trả nên HĐXX cần công nhận: Nguyên đơn phải trả 24.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh, bị đơn phải trả 14.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng CSXH huyện T khi nợ đến hạn và ngân hàng có yêu cầu.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn nhất trí chịu 700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các đương sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 55; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1 Điều 37; Điều 59; Điều 62 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 213, 219, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015
- Điều 100, điều 179, điều 203 luật đất đai 2013
- Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân Anh Hồ Lao Hly hôn với chị Uàng Dừng X

2. Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

Giao cho anh Hồ Lao H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con Hồ Ngân Th, Hồ Ghênh Q và Hồ Tông N. Giao cho chị Uàng Dừng X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hồ Hai H Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản

Đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia 01 ngôi nhà ở, chia thửa đất số 195 (tờ bản đồ số 77), thửa đất số 47 (tờ bản đồ số 24), thửa đất số 128 (tờ bản đồ số 76) do bị đơn rút yêu cầu, các đương sự khác đồng ý và HĐXX chấp nhận

3.2. Chia các tài sản là động sản Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Chia cho anh Hồ Lao H: 01 máy xay ngô trị giá 1.000.000đ.

Chia cho chị Vàng Dừng X: 01 xe máy Honda biển kiểm soát 27T1-048.00 trị giá 7.000.000đ, 01 chảo gang đường kính 01m trị giá 400.000đ, 01 máy khâu trị giá 400.000đ, 01 máy thái rau trị giá 400.000đ.

Buộc chị Vàng Dừng X phải trả cho anh Hồ Lao H giá trị chênh lệch về tài sản được chia là: 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

3.3. Chia đất nông nghiệp Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Chia cho Nguyên đơn:

+ Thửa đất số 69 có diện tích 6.791,7m² thuộc tờ bản đồ số 24 xã LXP, có tứ cận: phía bắc giáp núi đá, phía nam giáp đất Ngải Phủ M, phía đông giáp đất Ly A L, phía tây giáp đất Ngải Phủ M.

+ Một phần thửa đất số thửa 212 tờ bản đồ số 77 có diện tích 315,4m², có tứ cận: phía bắc giáp đường dân sinh thôn, phía nam giáp thửa số 1 và thửa số 3 (cùng thuộc tờ bản đồ số 83), phía đông giáp thửa số 3 (tờ bản đồ số 83), phía tây giáp diện tích đất còn lại của thửa số 212.

Đường ranh giới chia thửa đất số 212 cho nguyên đơn và bị đơn là 01 đường ranh giới thẳng cắt từ điểm vị trí số 1 đến điểm vị trí số 6 trên trích lục bản đồ địa chính của thửa số 212 (có trích lục kèm theo bản án)

- Chia cho bị đơn các thửa:

+ Thửa số 04 tờ bản đồ số 82 xã LXP có diện tích 254,4m²;

+ Thửa số 150 tờ bản đồ số 76 xã LXP có diện tích 208,8m²;

Hiện trạng thửa số 04 và thửa 150 đã ghép thành 01 thửa, có tứ cận: phía bắc giáp đất Ly Pàng C, phía nam giáp đất Ngải Phủ M, phía đông giáp đất Hồ Lao H, phía tây giáp khe suối cạn.

+ Thửa số 49 tờ bản đồ số 17 xã LXP có diện tích 4.786,5m²; có tứ cận: phía bắc giáp đất của Ngải Phủ M, phía nam giáp đất Vừ Chờ Ch, phía đông giáp đất Hồ Lao H, phía tây giáp đất Ly A H.

+ Một phần Diện tích thửa số 212 tờ bản đồ số 77 có diện tích 175m², có tứ cận: phía bắc giáp đường dân sinh thôn, phía nam giáp thửa số 1 (thuộc tờ bản đồ số 83), phía đông giáp diện tích đất còn lại của thửa số 212 (phần chia cho nguyên đơn), phía tây giáp đường dân sinh thôn.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bị đơn

Buộc nguyên đơn anh Hồ Lao H phải trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng cùng lãi phát sinh khi đến hạn và Ngân hàng CSXH huyện có yêu cầu.

Buộc bị đơn chị Uàng Dừng X phải trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền nợ gốc 14.000.000 đồng cùng lãi phát sinh khi đến hạn và Ngân hàng CSXH huyện có yêu cầu.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn chị Uàng Dừng X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng, Bị đơn đã nộp đủ.

6. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- UBND xã LXP, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn